

8. G.V. Diamantis và V.K. Benos, University of Piraeus, Greece (2007), Measuring student satisfaction with their studies in an International and European Studies Department, Operational Research, An International Journal. Vol.7. No 1, pp 47 – 59.

9. Hall, Rachel M., “Effects of High Fidelity Simulation on Knowledge Acquisition, Self Confidence, and Satisfaction with Baccalaureate Nursing Students Using the Solomon-Four Research Design” (2013). Electronic Theses and Dissertations. Paper 2281. <http://dc.etsu.edu/etd/2281>

10. Levett-Jones, T., McCoy, M., Lapkin, S., Noble, D., Hoffman, K., Dempsey, J., Arthur, C., & Roche, J. (2011). The development and psychometric testing of

the Satisfaction with Simulation Experience Scale. *Nurse Education Today*, 31(7), 705–710. doi:10.1016/j.nedt.2011.01.004.

11. Prystowsky, J. B. & Bordage, G. (2001). An outcomes research perspective on medical education: the predominance of trainee assessment and satisfaction. *Medical Education*, 35(4), 331-336. doi: 10.1046/j.1365-2923.2001.00910.

12. Smith SJ, Roehrs CJ. High-Fidelity Simulation: Factors Correlated with Nursing Student Satisfaction and Self-Confidence. *NursEducPerspect*. 2009;30(2):74-8.

13. Tagwa Omer Nursing Students' Perceptions of Satisfaction and Self-Confidence with Clinical Simulation Experience Journal of Education and Practice Vol.7, No.5, 2016

KẾT QUẢ ỨNG DỤNG PHƯƠNG PHÁP MÔ PHỎNG TRONG ĐÀO TẠO CỬ NHÂN ĐIỀU DƯỠNG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐIỀU DƯỠNG NAM ĐỊNH

¹ Mai Thị Lan Anh, ¹ Phạm Thị Thanh Hương, ¹ Vũ Ngọc Anh,
¹ Mai Thị Yến, ¹ Nguyễn Thị Thanh Huyền
¹ Đại học Điều dưỡng Nam Định

TÓM TẮT

Mục tiêu: Đánh giá hiệu quả của phương pháp mô phỏng trong đào tạo kỹ năng lâm sàng cho sinh viên đại học điều dưỡng chính quy. Đối tượng và **phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu can thiệp một nhóm có so sánh trước sau kết hợp với khảo sát định tính trên 80 sinh viên cử nhân điều dưỡng trong học kỳ I năm học 2016 -2017. Bộ công cụ đánh giá trước và sau can thiệp bao gồm: Bộ câu hỏi điều dưỡng; Bộ câu hỏi điều dưỡng quốc gia (NLN, 2005) và Bộ câu hỏi đánh giá mô phỏng Creighton. Phương

pháp thống kê mô tả và so sánh cặp t-test được sử dụng để phân tích dữ liệu. **Kết quả:** Theo quan điểm của sinh viên, mô phỏng giúp cải thiện các kỹ năng thực hành lâm sàng ($t = -33,95$), tư duy tích cực ($t = -33,95$) và sự tự tin, sự hài lòng trong học tập ($t = -29,45$) với $p < 0,001$. Từ góc độ của giảng viên, kết quả cho thấy mô phỏng có thể giúp sinh viên phát triển năng lực nghề điều dưỡng ($t = -12,43$) với $p < 0,001$. **Kết luận:** Phương pháp mô phỏng giúp cải thiện rõ rệt các kỹ năng lâm sàng, tư duy tích cực, sự hài lòng, tự tin và năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên. Cần có nhiều nghiên cứu sâu hơn để đánh giá toàn diện hơn hiệu quả của phương pháp mô phỏng tại trung tâm thực hành tiền lâm sàng.

Từ khóa: phương pháp mô phỏng, kỹ năng lâm sàng.

Người chịu trách nhiệm: Mai Thị Lan Anh
Email: lananh.ndun@gmail.com
Ngày phản biện: 23/01/2018
Ngày duyệt bài: 23/02/2018
Ngày xuất bản: 14/03/2018

EFFICACY OF USING SIMULATION FOR TRAINING UNDERGRADUATE NURSING STUDENTS IN NAM DINH UNIVERSITY OF NURSING

ABSTRACT

Purpose: To evaluate the effectiveness of simulation technique in training of clinical skills for novice bachelor nursing students. **Methods:** The one group pre-test and post-test educational intervention combined with the qualitative survey with structured interview. Pre- and post-intervention evaluation tools included: Nursing Knowledge Questionnaire; National League of Nursing Questionnaires (NLN, 2005) and Creighton Simulation Evaluation Instrument. Descriptive and paired t-test statistical methods used for quantitative data analysis and contents analysis used for qualitative data. **Results:** From the students' perspective, the results revealed that simulation technique improved performance

skills ($t = -33.95$), critical thinking skills ($t = -33.95$) and self-confidence ($t = -29.45$) with $p < 0.001$. From the instructor's perspective, the results did suggest that simulation technique may positively influence nursing competency ($t = -12.43$) with $p < 0.001$. **Conclusion:** Simulation technique significantly improved the students' performance skills, critical thinking skills, satisfaction, self-confidence and nursing competency. A further study on all nursing student levels should be conducted to more fully evaluate the effectiveness of simulation technique at the Pre-clinical practice Center.

Keywords: simulation technique, clinical skills.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thực hành dựa trên mô phỏng là phương pháp đào tạo trong đó người học có cơ hội tìm hiểu, phát triển và áp dụng kiến thức và kỹ năng trong tình huống lâm sàng thực tế khi tham gia vào các trải nghiệm học tập có tương tác tại phòng mô phỏng. Mô phỏng với mục đích nhân rộng các kinh nghiệm lâm sàng và giúp sinh viên học tập trong một môi trường an toàn và có kiểm soát. Trên thực tế, có nhiều loại mô phỏng khác nhau như bằng mô hình với độ trung thực ở các mức độ khác nhau; sử dụng người bệnh chuẩn; dựa trên máy tính,... trong đó được sử dụng rộng rãi nhất là hình thức mô phỏng bằng mô hình với độ trung thực ở các mức độ khác nhau và mô phỏng sử dụng người bệnh chuẩn bởi tính ưu việt của nó về mặt kinh tế cũng như kết quả học tập của sinh viên. Hai hình thức mô phỏng này tạo cơ hội cho sinh viên tương tác với mô hình/người bệnh trong một môi trường chăm sóc giống như thực tế, cải thiện năng lực thực hành lâm sàng và tư duy tích cực [7].

Qua tổng quan tài liệu, một số nghiên cứu cho rằng phương pháp mô phỏng có hiệu quả trên kiến thức điều dưỡng, kỹ năng thực hành và sự tự tin của sinh viên, từ đó, giúp sinh viên trải nghiệm học tập lâm sàng một cách an toàn và hiệu quả [4]. Mô phỏng phát triển nhận thức về các vấn đề lâm sàng, can thiệp, và thúc đẩy làm việc nhóm để giải quyết vấn đề. Đào tạo thực hành lâm sàng chuyên ngành ngoại và sản sử dụng tình huống mô phỏng giúp sinh viên thực hành kỹ năng nhanh hơn, hiệu suất công việc cao hơn so với phương pháp đào tạo lâm sàng truyền thống [7]. Kết quả nghiên cứu của Alice và đồng nghiệp (2010) cho biết có sự khác biệt đáng kể về mặt thống kê liên quan đến năng lực của sinh viên trong việc ứng dụng quy trình điều dưỡng vào chăm sóc người bệnh giữa nhóm tham gia thực hành lâm sàng qua mô phỏng và nhóm đào tạo lâm sàng theo phương pháp truyền thống [3].

Tại Việt Nam, đã có nhiều ngành nghiên cứu về hiệu quả của phương pháp mô phỏng trong thực hành và phát triển nghề nghiệp. Tuy nhiên, đối với ngành khoa học sức khỏe mặc dù đã có nhiều trường cũng như bệnh viện áp dụng phương pháp mô phỏng để đào tạo và nâng cao tay nghề cho các đối tượng cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe, nhưng hiếm tìm thấy những nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực mô phỏng với phát triển và thực hành nghề nghiệp. Đặc biệt, với ngành điều dưỡng thì chưa có nghiên cứu chính thức nào đánh giá về hiệu quả của việc sử dụng mô phỏng đối với kết quả học tập, đặc biệt là năng lực thực hành nghề nghiệp của sinh viên [1], [2]. Vì vậy, để đánh giá mức độ hiệu quả của phương pháp mô phỏng khi áp dụng với đối tượng sinh viên đại học điều dưỡng chính quy, từ đó để tận dụng tối đa hiệu quả và khắc phục những nhược điểm của phương pháp này tại trường Đại học Điều dưỡng Nam Định thì nghiên cứu “*Ứng dụng phương pháp mô phỏng trong đào tạo cử nhân điều dưỡng tại trường Đại học Điều dưỡng Nam Định*” thực sự mang tính cấp thiết. Nghiên cứu được tiến hành với mục tiêu đánh giá hiệu quả của phương pháp mô phỏng trong đào tạo cử nhân điều dưỡng. Từ đó chỉ ra một số hạn chế cần cải thiện để nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo cử nhân điều dưỡng bằng phương pháp mô phỏng tại trung tâm thực hành Tiền lâm sàng, trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng, thời gian và địa điểm nghiên cứu: 80 sinh viên đại học điều dưỡng chính quy khóa 10 được chọn tham gia nghiên cứu trong tháng 10 năm 2016 tại Trung tâm thực hành Tiền lâm sàng, trường Đại học Điều dưỡng Nam Định

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1 Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu can thiệp một nhóm có so sánh trước sau kết hợp với khảo sát định tính.

2.2.2 Công cụ nghiên cứu:

Bộ công cụ đánh giá: bao gồm bộ câu hỏi đánh giá kiến thức điều dưỡng trước - sau mô phỏng; bộ công cụ NLN (2005) đánh giá quan điểm của bản thân sinh viên về sự phát triển kỹ năng tư duy tích cực, kỹ năng thực hành và sự tự tin, hài lòng khi thực hiện chăm sóc người bệnh qua thực hành mô phỏng; và bộ công cụ C-CEI [11] đánh giá năng lực sinh viên theo quan điểm của giảng viên qua hoạt động mô phỏng. Hai câu hỏi khảo sát định tính để đánh giá điểm mạnh và những mặt cần cải thiện của phương pháp mô phỏng tại trung tâm thực hành tiền lâm sàng được thực hiện sau khi kết thúc toàn bộ quá trình mô phỏng.

Bộ công cụ can thiệp: Là các tình huống được thiết kế sẵn theo 4 chuyên ngành: nội, ngoại, sản và nhi. 80 sinh viên được chia thành 4 nhóm thực hiện các tình huống theo kế hoạch.

2.2.3 Phân tích dữ liệu:

Tất cả các dữ liệu định lượng được phân tích bằng phần mềm SPSS 17. Thống kê mô tả và so sánh cặp *t*-test được sử dụng để phân tích dữ liệu. Mức ý nghĩa thống kê được thiết lập tại $p < 0,05$. Dữ liệu định tính được phân tích bằng phương pháp mã hóa trên 40 mẫu được chọn ngẫu nhiên trong các nhóm mô phỏng và tính tần suất xuất hiện các quan điểm giống nhau.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Kết quả nghiên cứu định lượng

Các kết quả kiểm định *t*-test cặp được thể hiện ở Bảng 1.

Đối với kiến thức, chênh lệch điểm trung bình lý thuyết điều dưỡng trước và sau mô phỏng là -0,09 cho thấy không có sự khác biệt về điểm kiến thức trước và sau mô phỏng với $p > 0,05$.

Về khả năng đào tạo các kỹ năng, chênh lệch điểm trung bình thực hành kỹ năng trước và sau mô phỏng là -1,52 cho thấy có sự khác biệt về kỹ năng thực hành sau mô phỏng so với trước mô phỏng với $p < 0,001$.

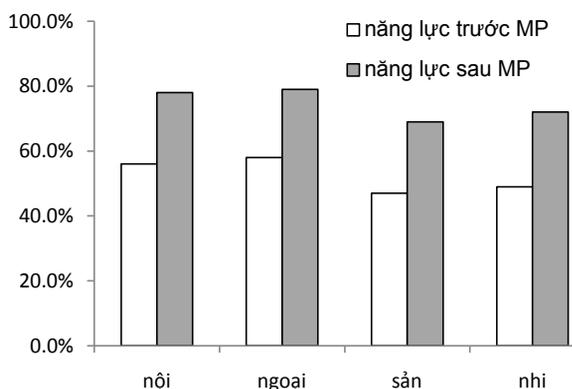
Bảng 1: Kết quả kiểm định t-test hiệu quả của mô phỏng

Kiểm định cặp t-test			
	M	t	p
Kiến thức qua mô phỏng	- 0,09	0,67	> 0,05
Khả năng đào tạo các	- 1,52	- 36,4	< 0,001
Kỹ năng tư duy tích cực	- 1,25	- 33,9	< 0,001
Sự hài lòng và tự tin	- 1,26	- 29,5	< 0,001
Năng lực thực hành nghề	- 0,19	- 12,4	< 0,001

Về kỹ năng tư duy tích cực, chênh lệch điểm trung bình kỹ năng tư duy tích cực trước và sau mô phỏng là -1,25 cho thấy có sự khác biệt về kỹ năng tư duy tích cực sau mô phỏng so với trước mô phỏng.

Về sự hài lòng và tự tin, chênh lệch điểm trung bình hài lòng và tự tin trước và sau mô phỏng là -1,26 cho thấy có sự khác biệt về mức độ hài lòng và tự tin sau mô phỏng so với trước mô phỏng với $p < 0,001$.

Theo đánh giá của giảng viên, chênh lệch điểm trung bình năng lực thực hành nghề của sinh viên trước và sau mô phỏng là - 0,19 cho thấy có sự khác biệt về năng lực thực hành nghề sau mô phỏng so với trước mô phỏng với $p < 0,001$.



Hình 1: Kết quả đánh giá năng lực thực hành nghề qua mô phỏng

3.2. Kết quả nghiên cứu định tính

Những điểm mạnh của phương pháp mô phỏng: Quan điểm của SV về các khía cạnh của phương pháp giảng dạy mô phỏng có những mặt mạnh và có những mặt cần cải thiện. Những mặt mạnh của phương pháp mô phỏng khi thực hiện tại trung tâm thực hành Tiền lâm sàng được sinh viên đánh giá như sau: Mô phỏng giúp sinh viên có cơ hội rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho nghề nghiệp (92% đồng ý). Bên cạnh đó, SV cũng đánh giá rất cao về việc giảng viên hỗ trợ và đưa ra thông tin phản hồi kịp thời giúp sinh viên phát triển kiến thức (80%) khi thực hành với mô phỏng đặc biệt phần định hướng trước mô phỏng và thảo luận sau mô phỏng. Một điểm mạnh khác thể hiện rất đặc trưng đối với thực hành mô phỏng đó là các biểu hiện lâm sàng, tình trạng người bệnh được giảng viên thiết kế giống như thật (82% đồng ý), đồng thời, mô phỏng cung cấp đa dạng các dụng cụ và trang thiết bị để sinh viên có cơ hội thực hành (87% đồng ý).

Những mặt cần cải thiện của phương pháp mô phỏng: Theo quan điểm của SV, bên cạnh những điểm mạnh, phương pháp mô phỏng cũng thể hiện những điểm yếu cần cải thiện để nâng cao hiệu quả đào tạo tại trung tâm thực hành Tiền lâm sàng. Sinh viên không nhạy bén để nhận ra sự thay đổi các biểu hiện lâm sàng (65%) và đưa ra can thiệp chưa phù hợp. Đưa ra lý do cho vấn đề này là vì có một số giảng viên thể hiện dấu hiệu thay đổi của người bệnh chưa thực sự rõ ràng. 40% sinh viên cho rằng thảo luận sau mô phỏng nhiều khi nhàm tẻ, giảng viên phản hồi một chiều dẫn đến sinh viên thụ động trong học tập. 57% sinh viên cho rằng mặc dù thực hành với mô phỏng tạo cơ hội cho sinh viên rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, nhưng kết quả làm việc nhóm chưa thực sự hiệu quả. Sinh viên cho rằng cần được quan sát một nhóm chăm sóc do giảng viên làm mẫu trong buổi đầu định hướng thực hành mô phỏng để hình dung rõ vai trò của từng thành viên trong nhóm.

4. BÀN LUẬN

Qua phân tích dữ liệu về quan điểm của sinh viên và đánh giá của giảng viên cho thấy hiệu quả của phương pháp mô phỏng trong đào tạo điều dưỡng tại trung tâm thực hành Tiềm lâm sàng thể hiện ở việc cải thiện kỹ năng thực hành, kỹ năng tư duy tích cực và sự hài lòng, tự tin với học tập theo quan điểm của sinh viên và nâng cao năng lực lâm sàng của sinh viên theo sự đánh giá của giảng viên, tuy nhiên kết quả nghiên cứu cho thấy thực hành với mô phỏng không làm tăng kiến thức điều dưỡng của sinh viên. Kết quả này tương ứng với một số nghiên cứu trước đây về hiệu quả của mô phỏng trên việc cải thiện các kỹ năng lâm sàng nói riêng và năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên nói chung [12], [4].

4.1. Kiến thức điều dưỡng của sinh viên qua mô phỏng.

Qua phân tích dữ liệu kiến thức điều dưỡng cho thấy không có sự khác biệt về điểm kiến thức sau mô phỏng so với trước mô phỏng với $p > 0,05$. Giải thích cho kết quả này, nghiên cứu của Gates và cộng sự năm 2012 về hiệu quả của mô phỏng trên kiến thức sinh viên phẫu thuật y học ở học kỳ hai cho thấy mô phỏng giúp sinh viên tăng điểm kiểm tra lý thuyết chỉ 8%; trong đó kiến thức được kiểm tra là về quy trình điều dưỡng và nội dung của kịch bản mô phỏng, chứ không phải về kiến thức lý thuyết điều dưỡng chuyên ngành. Trong nghiên cứu này, các câu hỏi trong bài kiểm tra tập trung vào kiến thức từ các bài học lý thuyết mà không phải là nội dung của kịch bản mô phỏng.

4.2. Thực hành các kỹ năng của sinh viên qua mô phỏng.

Kết quả kiểm định t-test cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($p < 0,001$) về kỹ năng thực hành trước và sau mô phỏng. Trước mô phỏng sinh viên đánh giá mức

kỹ năng trung bình đạt được $2,54 \pm 0,29$, nhưng sau mô phỏng mức này tăng lên đến $4,06 \pm 0,22$. Theo nghiên cứu của Kardong-Edgren và cộng sự năm 2008 cho biết các tình huống mô phỏng với mục tiêu hướng đến quy trình điều dưỡng, cung cấp các thông tin liên quan đến tình trạng người bệnh, đưa ra các đáp ứng của người bệnh thông qua các can thiệp điều dưỡng của sinh viên và trọng tâm vào thảo luận cuối buổi để cung cấp thông tin phản hồi cho sinh viên về những bài học qua mô phỏng đã giúp cho sinh viên có cơ hội thực hành, đạt được và duy trì các kỹ năng lâm sàng cần thiết trước khi bước vào môi trường chăm sóc người bệnh.

Theo kết quả nghiên cứu định tính, các kỹ năng được sinh viên đánh giá là có cơ hội rèn luyện nhiều tại trung tâm thực hành tiềm lâm sàng là: kỹ năng giao tiếp (87%), kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề (82%), kỹ năng làm việc nhóm (72%), kỹ năng tư vấn và giáo dục sức khỏe cho người bệnh và gia đình (78%),... tuy nhiên, kết quả làm việc nhóm chưa thực sự hiệu quả. Sinh viên cho rằng do chưa được quan sát nhóm chăm sóc mẫu thực hành mô phỏng để hình dung rõ vai trò của từng thành viên trong nhóm. Với phạm vi nghiên cứu này chỉ trên đối tượng cử nhân điều dưỡng, nên không cho phép khái quát hóa cho tất cả mọi đối tượng được đào tạo tại Trường đại học Điều dưỡng Nam Định, nhưng kết quả nghiên cứu này sẽ có ý nghĩa trong công tác đào tạo điều dưỡng cũng như trong các ngành khoa học sức khỏe khác, kỹ năng làm việc nhóm trong ngành và liên ngành cần được chú trọng để nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

4.3. Kỹ năng tư duy tích cực của sinh viên qua mô phỏng

Kết quả nghiên cứu cho thấy theo quan điểm của sinh viên, kỹ năng tư duy tích cực

của sinh viên qua mô phỏng tăng lên một cách đáng kể với $p < 0,001$. Kết quả này bổ sung cho nghiên cứu của Maggie Davis-Kendrick năm 2015 cho rằng mô phỏng có hiệu quả tốt đối với tư duy tích cực của sinh viên đặc biệt trên phạm trù lập luận lâm sàng để đưa ra quyết định can thiệp phù hợp [14]. Kết quả nghiên cứu định tính cho thấy, các biểu hiện lâm sàng, tình trạng người bệnh được giảng viên thiết kế giống như thật (82% đồng ý): Các dấu hiệu phản ứng của người bệnh đặc biệt là dấu hiệu sinh tồn được đưa ra kịp thời (73%),... Bên cạnh đó, phần thảo luận sau mô phỏng giúp sinh viên phân biệt được những can thiệp phù hợp trên người bệnh đã được thực hiện (72%), rút ra bài học kinh nghiệm đặc biệt là từ những can thiệp sai của bản thân hoặc của bạn mình trong tình huống mô phỏng để tránh mắc phải trong chăm sóc người bệnh thật tại môi trường lâm sàng (70%).

Kết quả nghiên cứu định tính cho thấy, mặc dù tình huống mô phỏng đã cung cấp thông tin về dấu hiệu, đáp ứng của người bệnh nhưng sinh viên thường không nhạy bén để nhận ra sự thay đổi đó và đưa ra can thiệp chưa phù hợp (65%) do việc thể hiện dấu hiệu thay đổi chưa thực sự rõ ràng. Tuy vậy, dưới góc độ khoa học, nghiên cứu của Douglas năm 2013 cho rằng do thiếu tính thực tế như: màn hình đầu giường khá cao, không có báo hiệu sự thay đổi khi các dấu hiệu sinh tồn vượt giới hạn cho phép, một số biểu hiện lâm sàng có khi lại thái quá [6]. Kết quả này có ý nghĩa thực tiễn cao đối với việc nâng cao chất lượng giảng dạy mô phỏng, giảng viên quá ỷ lại vào công nghệ mà không chú ý đến việc tạo ra một môi trường chăm sóc thân thiện gần với thực tế cũng như nâng cao trình độ chuyên môn thì những trung tâm mô phỏng không thể mang lại hiệu quả như mong muốn [9].

4.4. Sự hài lòng và tự tin của sinh viên qua mô phỏng

Theo quan điểm của sinh viên, sự hài lòng và tự tin qua mô phỏng tăng lên một cách đáng kể với $p < 0,001$. Kết quả này bổ sung cho nghiên cứu của McRae (2017) trên đối tượng điều dưỡng cấp cứu ngoại tim mạch cho biết điểm số tự tin của điều dưỡng để thực hiện các kỹ năng tăng lên đáng kể sau mô phỏng (từ -0.50 đến 1,78), tổng điểm hài lòng cao ($80,2 \pm 1,06$) cho thấy điều dưỡng rất hài lòng với thực hành mô phỏng [6]. Kết quả nghiên cứu định tính cho thấy, mô phỏng cung cấp đa dạng các dụng cụ và trang thiết bị hiện đại giúp sinh viên có cơ hội thực hành (87% đồng ý). Các giảng viên hỗ trợ và đưa ra thông tin phản hồi kịp thời giúp sinh viên phát triển kiến thức (80%). Định hướng trước mô phỏng giúp sinh viên có cái nhìn tổng quát về người bệnh cần chăm sóc (79% đồng ý); Thảo luận sau mô phỏng giúp sinh viên phân biệt được những can thiệp phù hợp trên người bệnh đã được thực hiện (72%), rút ra bài học đặc biệt là từ những can thiệp sai của bản thân hoặc của bạn mình để tránh mắc phải trong chăm sóc người bệnh thật tại môi trường lâm sàng.

Tuy nhiên, phần thảo luận sau mô phỏng nhàm tẻ, giảng viên phản hồi một chiều, dẫn đến sinh viên thụ động trong học tập. Bên cạnh đó, nội dung thảo luận không diễn ra theo tư duy logic nên sinh viên khó hệ thống nội dung đã học. Đây cũng là một rào cản gặp phải ở hầu hết các trung tâm mô phỏng điều dưỡng không chỉ ở Việt Nam mà cả ở các nước tiên tiến. Nghiên cứu của Mary (2014) kiến nghị rằng các trung tâm mô phỏng nên phân bổ nguồn lực cho các hoạt động quan trọng mô phỏng, chỉ định một quản trị viên mô phỏng được đào tạo bài bản về giảng dạy mô phỏng. Các giảng viên khác cần được đào tạo và đánh giá năng lực thường xuyên đặc biệt là chú trọng thảo luận sau mô phỏng [14].

4.5. Năng lực lâm sàng của sinh viên qua mô phỏng

Kết quả nghiên cứu cho thấy theo đánh giá của giảng viên, năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên qua mô phỏng tăng lên một cách đáng kể với $p < 0,001$. Qua đánh giá của giảng viên, năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên thể hiện trên các lĩnh vực: nhận định rõ được các vấn đề trên người bệnh và môi trường xung quanh; thực hiện giao tiếp hiệu quả với người bệnh, người nhà và nhóm chăm sóc; có lập luận lâm sàng logic và thực hiện chăm sóc người bệnh một cách an toàn. Kết quả này tương ứng với kết quả nghiên cứu của Kirkman (2015) trên đối tượng sinh viên cử nhân điều dưỡng mới tham gia vào khóa học lý thuyết điều dưỡng và lâm sàng đầu tiên cho biết thực hành với mô phỏng giúp sinh viên thể hiện năng lực lâm sàng toàn diện hơn [10]. Với những điểm mạnh của mô phỏng được sinh viên đưa ra trong phần nghiên cứu định tính đã bàn luận ở trên thể hiện hiệu quả của phương pháp mô phỏng trong đào tạo điều dưỡng tại trung tâm thực hành tiên lâm sàng. Phát huy những điểm mạnh và cải thiện những rào cản trong thực hành giảng dạy mô phỏng sẽ giúp nâng cao hiệu quả đào tạo điều dưỡng tại đơn vị này.

5. KẾT LUẬN

Sau quá trình thực hiện triển khai nghiên cứu đánh giá hiệu quả áp dụng phương pháp mô phỏng trong việc đào tạo kỹ năng lâm sàng tại trung tâm thực hành Tiên lâm sàng, nghiên cứu đã đạt được mục tiêu đề ra với những kết quả thu được cụ thể như sau:

5.1. Hiệu quả ứng dụng phương pháp mô phỏng trong đào tạo kỹ năng lâm sàng

Theo quan điểm của sinh viên mô phỏng tạo cơ hội thực hành tốt các kỹ năng lâm

sàng như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng ra quyết định và giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm,... Mô phỏng giúp cải thiện kỹ năng tư duy tích cực nhờ thiết kế môi trường mô phỏng giống như môi trường chăm sóc người bệnh tại bệnh viện, đồng thời thảo luận sau mô phỏng giúp sinh viên phân biệt được những can thiệp phù hợp trên người bệnh và rút ra bài học, đặc biệt là từ những can thiệp sai của bản thân hay bạn mình trong tình huống mô phỏng. Bên cạnh đó, sinh viên thể hiện sự hài lòng và tự tin khi thực hành với mô phỏng bởi nó cung cấp đa dạng các trang thiết bị giúp sinh viên có cơ hội thực hành. Một kết quả mang tính khách quan là đánh giá từ phía giảng viên về mức độ đạt được năng lực thực hành lâm sàng của sinh viên rất cao qua mô phỏng.

5.2. Một số giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo kỹ năng lâm sàng bằng phương pháp mô phỏng

Qua nghiên cứu định tính cho thấy, kết quả làm việc nhóm của sinh viên qua thực hành với mô phỏng chưa thực sự hiệu quả, vì vậy, công tác đào tạo điều dưỡng cũng như trong các ngành khoa học sức khỏe khác, kỹ năng làm việc nhóm trong ngành và liên ngành cần được chú trọng để nâng cao chất lượng dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Giảng viên không nên quá ỷ lại vào công nghệ hiện đại mà nên chú ý để tạo ra một môi trường chăm sóc gần với thực tế cũng như nâng cao trình độ chuyên môn trong đào tạo mô phỏng. Bên cạnh đó, trung tâm đào tạo mô phỏng nên phân bổ nhân lực phù hợp cho các hoạt động quan trọng của mô phỏng, nên có người quản lý được đào tạo bài bản về mô phỏng và tất cả các giảng viên khác cần được đào tạo và đánh giá năng lực thường xuyên về giảng dạy mô phỏng đặc biệt là chú trọng hoạt động thảo luận sau mô phỏng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Cao Văn Thịnh (2015). Giáo trình huấn luyện kỹ năng. Nhà xuất bản y học, 1-12.
2. Hội điều dưỡng Việt Nam (2014). Thực trạng đào tạo điều dưỡng ở Việt Nam. *Tạp chí Điều dưỡng Việt Nam*, 5, 2-3.
3. Bambini, D., Washburn, J., & Perkins, R. (2009). Outcomes of clinical simulation for novice nursing students: Communication, self-confidence, clinical judgment. *Nursing Education Perspectives*, 30(2), 79-82.
4. Blum, C. A., Borglund, S., & Parcells, D. (2010). High-fidelity nursing simulation: Impact on student self-confidence and clinical competence. *International Journal of Nursing Education Scholarship*, 7(1), Article 18. doi:10.2202/1548-923X.2035
5. Crouch L. (2009). Undergraduate nursing students' perceptions of the simulation design, learning, satisfaction, self-concept, and collaboration in high-fidelity human patient simulation. *International Journal of Nursing Education Scholarship*, 5(1), 1-16
6. Elfrink, V. L., Kirkpatrick, B., Nininger, J., & Schubert, C. (2010). Using learning outcomes to inform teaching practices in human patient simulation. *Nursing Education Perspectives*, 31(2),
7. Jeffries, P.R. (2012). Simulation in nursing education: From conceptualization to evaluation. 2nd edition. The National League for Nursing: New York, NY
8. Kirkman, T. R. (2011). The effectiveness of human patient simulation on baccalaureate nursing students transfer of learning (*Doctoral dissertation*). Retrieved from: <http://www.ua.edu>
9. National League for Nursing. (nd). Simulation Innovation Resource Center. In <http://sirc.nln.org/>. Retrieved July 5, 2012 from <http://sirc.nln.org>
10. Susan L., Jennifer M., Cheryl P., Robert M. (2008). Effectiveness of simulation on health profession students' knowledge, skills, confidence and satisfaction. *Doi.10.1111/j.1744-1609.2008*
11. Todd, M., Manz, J., Hawkins, K., Parsons, M., & Hercinger, M. (2008). The development of a quantitative evaluation tool for simulations in nursing education. *International Journal of Nursing Education Scholarship*, 5(1), 1-17.
12. Wanonis A. R. (2014). Methods and Evaluations for Simulation Debriefing in Nursing Education. *Journal of Nursing Education*. 53(8) 459-465